

Chuyến đi Tây của sứ bộ Phan Thanh Giản 1863-1864

Trần Quốc Anh^a

Tóm tắt:

Năm 1863, triều đình Tự Đức sai các quan Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ và Nguyễn Khắc Đản sang Pháp để điều đình chuộc ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, đã mất vào quân Pháp năm 1861 - 1862. Đây là chuyến đi ngoại giao đầu tiên của triều đình Việt Nam với nước Pháp. Tuy vậy lịch sử không ghi chép nhiều về chuyến đi quan trọng này. Bài viết này khảo sát hai quyển hồi ký *Tây hành nhật ký* của Phạm Phú Thứ và *Như Tây ký* của Nguyễn Khắc Đản để tìm hiểu về chuyến đi ngoại giao của Nam triều trong hoàn cảnh lịch sử phức tạp lúc đó. Bài viết sơ lược giới thiệu khái quát hành trình của sứ bộ Phan Thanh Giản đi Tây trong thời gian 1863-1864; nêu nhận định về những khó khăn sứ đoàn gặp phải; và nhận xét về tư tưởng của các sứ thần sau khi đích mục sở thị nền văn minh phương Tây đương thời. Trong một khía cạnh nhất định, bài viết cố gắng lý giải sự không thành công của sứ bộ Phan Thanh Giản trong chuyến đi trọng nhiệm lịch sử.

Từ khóa: *Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Khắc Đản, hồi ký, quan hệ Pháp - Việt thế kỷ XIX*

^a Jesuit School of Theology, Santa Clara University; 175 Le Roy Avenue, Berkeley, CA 94709, USA.
e-mail: aqtran@scu.edu

Phan Thanh Gian's Diplomatic Mission to Europe, 1863-1864

Anh Q. Tran

Abstract:

In 1863, the court of King Tu Duc sent Phan Thanh Gian, Pham Phu Thu and Nguyen Khac Dan on a diplomatic mission to France to negotiate the return of the three eastern Cochinchinese provinces lost to the French expedition of 1861-1862. This was the first diplomatic mission of Vietnam to France. Nevertheless, the official historical chronicle did not write much about this mission. This essay examines the two memoirs on the journey to the West by Pham Phu Thu (*Tay hanh nhât ky*) and Nguy Khac Dan (*Nhu Tay ky*) in order to understand the aforementioned diplomatic mission of the Nguyen court within the complex historical circumstances at the time. The essay briefly presents the main events of the journey, describes the challenges that they faced, and interprets the thinking of the authors as they encountered Western civilization. In a limited way, the essay tries to explain the failure of this historical significant mission of Phan Thanh Gian and his diplomatic group.

Key words: *Phan Thanh Gian, Pham Phu Thu, Nguy Khac Dan, memoirs, Franco-Vietnamese relations in 19th century*

Received: 10.3.2022; Accepted: 11.6.2022; Published: 29.6.2022

Dẫn nhập

Trong lịch sử quan hệ quốc tế của Việt Nam, ở nửa sau thế kỷ XIX đã có một biến cố ngoại giao quan trọng. Đó là chuyến đi sứ của phái đoàn Phan Thanh Giản sang Pháp và Tây Ban Nha vào năm 1863-1864. Có thể nói đây là chuyến đi ngoại giao chính thức giữa triều đình Đại Nam và các nước Âu châu. Tuy vậy, bộ chính sử của nhà Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chỉ ghi ngắn gọn về chuyến đi mà không nói nhiều về kết quả của sứ bộ, mặc dù trước đó triều đình Huế rất kỳ vọng vào đoàn ngoại giao.

Những người trong cuộc, đặc biệt là cụ Phan Thanh Giản và các đồng sự, đã có cảm nghiệm gì về chuyến xuất dương này? Chuyến đi này ảnh hưởng gì đến bang giao Pháp - Việt hay không, hay chỉ là một chuyến viếng thăm mang tính hình thức? Sứ bộ đã học biết được gì trong chuyến công du này? Đó là những điều mà giới nghiên cứu về Phan Thanh Giản và giai đoạn lịch sử của nửa sau thế kỷ XIX cần tìm hiểu.

Để góp phần vào tư liệu nghiên cứu, tôi xin giới thiệu hai tài liệu có liên quan đến chuyến đi Tây.¹ Đó là quyển *Tây hành nhật ký* (còn gọi là *Giá Viên biệt lục*) của phó sứ Phạm Phú Thứ, và *Như Tây ký* của bồi sứ Ngụy Khắc Đản, để tìm hiểu về chuyến đi này trong hoàn cảnh lịch sử phức tạp lúc đó. Hai tác phẩm này được viết bằng chữ Hán pha lẫn chữ Nôm cho nên độc giả ngày nay khó tiếp cận bản gốc mà chỉ biết qua một vài bản dịch Quốc ngữ.

Các nhà nghiên cứu xưa nay đã biết ít nhiều về cuốn *Tây hành nhật ký* vì cuốn này đã được dịch ra tiếng Pháp từ một bản chép tay và đăng trong tập san *Bulletin des Amis Vieux Hue* (BAVH: Tập san Đô thành hiếu cổ) đăng trong ba kỳ vào các năm 1919 và 1921.² Các bản dịch tiếng Việt từ Hán văn thì có bản của Tô Nam (Nguyễn Đình Diệm) và Văn Vinh (Lê Khải Văn) đăng trên chuyên san *Văn Đàn* ở Sài Gòn năm 1961-1962 (in lại ở TPHCM năm 2001)³, bản của Quang Uyển in ở Hà Nội năm 1964 (in lại ở Đà Nẵng năm 1999).⁴ Đó là không kể bản dịch Việt ngữ của Đặng Như Tùng (quyển thượng của *Tây hành nhật ký*),

¹ Bài viết này bổ sung bài thuyết trình của tôi ở một cuộc gặp gỡ của Hội Ái hữu Phan Thanh Giản tháng 8.2021 ở Houston, Texas, Hoa Kỳ. Nội dung bài thuyết trình này sẽ đăng trong nội san của Hội vào mùa hè 2022. Tác giả tri ân ông Winston Phan, và các nhà phản biện kín đã đọc bản thảo và giúp phản biện bài viết.

² Nguyen Dinh Hoe, Ngo Dinh Diem, "L'ambassade de Phan Thanh Gian, 1863-1864", *BAVH* (1919), 161-216; *BAVH* (1921), 147-187; 243-281. Theo như chú thích thì đây là bản dịch dựa trên bản chép tay, chữ viết khá đẹp gồm 313 trang khổ 33.3 cm x 19 cm và chia làm ba quyển. Quyển thượng và quyển trung được dịch sang tiếng Pháp, còn quyển hạ thì không dịch.

³ Bản dịch *Tây hành nhật ký* của hai cụ Tô Nam và Văn Vinh khởi đăng trên *Văn Đàn* số Xuân Tân Sửu (1961), số 34-35 cho đến số Xuân Nhâm Dần (1962) thì hoàn tất. Năm 2001, dựa trên sưu tập của ông Đỗ Văn Anh, bản dịch này được Nxb Văn nghệ TPHCM in lại.

⁴ Quang Uyển [dịch], *Nhật ký đi Tây*, (Đà Nẵng: Đà Nẵng, 1999).

Phan Xung (quyển trung) từ bản tiếng Pháp của *BAVH* do nhà xuất bản Thuận Hóa (Huế) ấn hành gần đây.⁵

Ngược lại cuốn *Như Tây ký* của Ngụy Khắc Đản thì mới được phát hiện gần đây. Sách chỉ có bản thảo không có bản in, được lưu trữ ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Hà Nội), mới được Cao Việt Anh dịch và xuất bản năm 2019.⁶

Hai cuốn tuy cùng là tư liệu về chuyến đi Âu châu của sứ bộ Việt Nam do chính những người trong cuộc viết, nhưng nội dung khác nhau. Cuốn *Tây hành nhật ký* là một bản tóm tắt về những gì các ông đã mắt thấy tai nghe trong chuyến đi dài hơn tám tháng rưỡi. Cuốn *Như Tây ký* thì lại là một ghi chép tỉ mỉ về lịch sử, kinh tế, xã hội, chính trị, phong tục tập quán của nước Pháp. Cả hai cuốn đều đóng góp những tư liệu quan trọng về tình hình thực tế và vai trò của nước Pháp ở Âu châu qua cái nhìn của người Việt.

Trong bài viết này, tôi không có tham vọng giải đáp những khúc mắc lịch sử liên quan đến chuyến đi Âu châu năm 1863-1864, nhưng muốn giới thiệu hai tài liệu này cho những ai quan tâm đến lịch sử bang giao Pháp - Việt ở thế kỷ XIX. Ước mong nhỏ nhoi của tôi là các học giả và nhà nghiên cứu có thể thông qua những tác phẩm này mà đánh giá vai trò của sứ bộ Phan Thanh Giản trong chuyến đi lịch sử này.

Bối cảnh lịch sử của chuyến đi

Năm 1858, Đô đốc Charles Rigault de Genouilly (1807-1873) đánh Đà Nẵng, nhưng không thành công. Sau đó Genouilly kéo quân vào nam và cùng với quân Tây Ban Nha vây thành Gia Định từ tháng 9.1860. Đến ngày 25.2.1861 liên quân Pháp và Tây Ban Nha dưới sự chỉ huy của Đô đốc Léonard Charner (1797-1869) chiếm được Gia Định rồi tiến quân đến chiếm Mỹ Tho. Lúc đầu Đô đốc Charner chỉ đưa ra đòi hỏi rằng phải cho giáo sĩ Pháp tự do truyền đạo, giao thương buôn bán, và nhượng một vài khu đất để mở thương điểm như Tân Gia Ba (Singapore), Hương Cảng (Hongkong) của Anh.

Trong khi triều đình Huế còn nấn ná chưa chịu điều đình thì tháng 11.1861, Đô đốc Louis Bonard (1805-1867) thay thế Charner. Ông này thừa cơ đánh chiếm Biên Hòa rồi Côn Đảo vào cuối năm 1861, đầu năm sau, đánh chiếm Vĩnh Long vào tháng 3.1862. Sau đó Bonard gửi thư cho triều đình Huế đề nghị lập hòa ước. Triều đình bàn khá kỹ về những điều ước, và vua Tự Đức sai Phan Thanh Giản và Lâm Duy Thiếp (có sách ghi là Lâm Duy Hiệp) đi thương thuyết.⁷

⁵ “Phái đoàn Phan Thanh Giản (1863 - 1864)”, *Những người bạn cố đô Huế*, tập VI-B, 1919 (Huế, Thuận Hóa, 1998), 5-60. Tôi không có tập của năm 1921 nên chưa đọc hết được bản dịch từ tiếng Pháp này.

⁶ Cao Việt Anh [dịch], *Như Tây ký*, (Hà Nội: Đại học Sư phạm, 2019).

⁷ Xem nội dung bản bạc ở *Đại Nam thực lục*, đệ tứ kỷ, quyển XXVIII, bản dịch của Viện Sử học, tập 7, (Hà Nội: Giáo dục, 2006), 768-770.

Ngày 26.5.1862, phái đoàn Phan Thanh Giản, Lâm Duy Thiếp vào đến Gia Định để thương thuyết với Đô đốc Bonard, đại diện Pháp và Đại tá Palanca-Gutierrez, đại diện Tây Ban Nha. Đàm phán bất thành, triều đình Huế phải ký với Pháp và Tây Ban Nha Hòa ước Nhâm Tuất ngày 05.6.1862, gồm 12 điều khoản, trong đó có mấy điều khoản bất lợi cho Nam triều:⁸

* Điều 2: cho đạo Ki-tô được tự do hoạt động,

* Điều 3: công nhận chủ quyền của Pháp trên ba tỉnh Gia Định, Biên Hòa và Định Tường (Mỹ Tho) và Côn Đảo,

* Điều 5: cho thương nhân Pháp và Tây Ban Nha tự do buôn bán ở các hải cảng,

* Điều 8: Nam triều phải bồi thường chiến phí.

Chỉ có điều khoản 11 được coi là một nhân nhượng từ phía Pháp - Tây Ban Nha. Theo điều khoản này, Pháp sẽ trả lại tỉnh thành Vĩnh Long cho nhà Nguyễn, nếu vua Tự Đức ra lệnh và giải tán các lực lượng kháng Pháp tại hai tỉnh Gia Định và Định Tường. Nên biết rằng, nếu Gia Định là thủ phủ của ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ còn Vĩnh Long là đầu não của ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ. Nếu để mất Vĩnh Long là mất trọn Nam Kỳ Lục Tỉnh. Ít ra, trong thời điểm 1862, quân Pháp vẫn để cho triều đình Huế quản lý về mặt hành chính ở Vĩnh Long. Đây là một sự kiện mà ít người chú ý khi luận tội cụ Phan làm mất thành năm 1867.

Khi được tin hai ông Phan, Lâm đã không hoàn thành sứ mạng vua trao là “đất đai quyết không thể nào cho được, tà giáo quyết không cho tự do tuyên truyền”⁹, triều đình xin luận tội hai ông, nhưng theo Đại Nam thực lục vua Tự Đức nói: “Bây giờ há có người hiền tài nào mà đổi hết được ru? Bèn cho Phan Thanh Giản lãnh tổng đốc Vĩnh Long, Duy Thiếp lãnh tuần phủ Thuận Khánh cùng với tướng nước Phú [Lăng Sa] biện bác để chuộc tội”.¹⁰ Không những đã không luận tội hai ông mà vua Tự Đức còn bổ nhiệm cụ Phan làm tổng đốc Vĩnh Long để tìm kế sách thương thuyết với Pháp.

Sau khi nhường ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ cho người Pháp và các nhân nhượng khác, vua Tự Đức trăn trở vì đã để mất Gia Định, đất khởi nghiệp của nhà Nguyễn. Ngay từ cuối năm 1862 triều đình Huế đã xét lại Hòa ước Nhâm Tuất (1862), nhưng sau cuộc nổi dậy thất bại ở Gò Công và do những bất ổn ở Bắc Kỳ, vua Tự Đức buộc phải phê chuẩn Hòa ước Nhâm Tuất vào tháng 4.1863.

Nhưng phía Nam triều không bỏ cuộc và muốn cử người sang Pháp để trực tiếp điều đình với Napoleon III. Vào mùa hè năm đó, triều đình Huế cử một phái đoàn hùng

⁸ Nội dung của 12 điều khoản được ghi lại trong Đại Nam thực lục, Sđd, 771-772.

⁹ Đại Nam thực lục, Sđd, 770.

¹⁰ Đại Nam thực lục, Sđd, 770, 771.

hậu gồm 63 người sang Pháp - Tây Ban Nha đáp lễ ngoại giao. Kỳ thực là đi điều đình với chính phủ Pháp xin chuộc lại ba tỉnh miền Đông.

Sứ bộ Đại Nam do các vị Phan Thanh Giản (1796-1867), Phạm Phú Thứ (1821-1882), Ngụy Khắc Đản (1817-1873) dẫn đầu phái đoàn. Phía Pháp cũng có phái đoàn gồm chín người do sĩ quan hải quân Rannier (phiên âm Việt là Lý A-Nhi) dẫn đầu.¹¹ Trên đường đi chết mất hai người, một chôn ở Aden, một chôn ở Alexandria.¹²

Triều đình Huế cử:

- Chánh sứ: Phan Thanh Giản, 68 tuổi (Hiệp biện Đại học sĩ).
- Phó sứ: Phạm Phú Thứ, 43 tuổi (Lại bộ Tả tham tri).
- Bồi sứ: Ngụy Khắc Đản, 47 tuổi (Án sát tỉnh Quảng Nam).



Sứ bộ Đại Nam. Ngồi hàng trước từ trái qua phải: bồi sứ Ngụy Khắc Đản, chánh sứ Phan Thanh Giản, phó sứ Phạm Phú Thứ.

Ảnh: Emile Gsell

¹¹ Trương Bá Cần, “Phan Thanh Giản đi sứ ở Paris, 13-09 đến 10-11-1863”, *Tạp san Sử Địa: Đặc khảo về Phan Thanh Giản (1796-1867)*, số 7-8 (1967), danh sách các vị đi sứ liệt kê ở trang 16-17.

¹² Thông dịch viên Nguyễn Văn Trường chết ở Aden. Y sĩ Nguyễn Văn Huy chết ở Alexandria.

- Phụ trách lễ vật: Nguyễn Văn Chất (Công bộ Lang trung).
- Hai thư ký: Hồ Văn Long (Binh bộ Viên ngoại lang), Trần Văn Cư (Hộ bộ Viên ngoại lang).
- Bốn văn nhân: Hoàng Ky (Lễ bộ Chủ sự), Tạ Huệ Kế (Hộ bộ Chủ sự), Phạm Hữu Độ (Sứ bộ Tư vụ), Trần Tế (Tư vụ).
- Hai võ quan: Nguyễn Mậu Bình (Hiệp quản), Hồ (Ngô) Văn Huân (Hiệp quản).
- Bốn võ quan tháp tùng: Nguyễn Hữu Tước (Suất đội), Lương Văn Thế (Thái) (Suất đội), Nguyễn Hữu Thuận (Suất đội), Nguyễn Hữu Cấp (Suất đội).
- Hai y sĩ: Nguyễn Văn Huy, Ngô Văn Nhuận.
- Một thông ngôn: Nguyễn Văn Trường (có thêm linh mục Phaolo Nguyễn Hoàng).
- 25 lính.
- 19 người giúp việc.

Pháp cử:

- Hai thông ngôn: Trương Vĩnh Ký (hạng nhất), Nguyễn Văn Sang (hạng nhì).
- Hai nho sĩ: Tôn Thọ Tường (hạng nhất), Phan Quang Hiếu (hạng nhì).
- Hai học sinh trường d'Adran: Trần Văn Long (Lương) và Simon Cửa.
- Ba người giúp việc, trong đó có Pedro Trần Quang Diệu.¹³

Trong quốc thư gửi Napoleon III, vua Tự Đức yêu cầu xét lại một số điều khoản của Hòa ước Nhâm Tuất, đặc biệt là điều khoản liên quan đến việc nhượng đất. Nhà vua đề nghị, theo cách nhà Thanh ký kết với người Anh, triều đình Huế sẵn sàng cho người Pháp thiết lập một số nhượng địa bao gồm Sài Gòn ở tỉnh Gia Định, một địa điểm nào đó trong tỉnh Định Tường ngoài thành Mỹ Tho, xứ Thủ Dầu Một thuộc tỉnh Biên Hòa và đảo Côn Lôn. *"Còn ngoài ra nước tôi đã bồi thường số bạc quân phí thì đất thuộc ba tỉnh ấy thì xin trả lại cho nước tôi"*. Nếu phải bù thêm thì nhiều ít gì cũng trả, nhưng xin cho gia hạn trong mười năm trả dần vì đất nước đang khó khăn. Không nói đến việc chuộc lại ba tỉnh mà chỉ xin Pháp trao trả.¹⁴

Vua Tự Đức dặn dò sứ bộ phải ráng đòi được những phần đất mà Pháp đã chiếm cứ. Nếu phía Pháp từ chối, sứ bộ kéo dài thời gian để tìm cơ hội mở lại cuộc thương thuyết, sao cho chính phủ Pháp đồng ý xét lại hiệp ước 1862.

¹³ Phí tổn lộ trình của chín người này do nhà cầm quyền Pháp tại Sài Gòn đài thọ.

¹⁴ *Đại Nam thực lục, Sđd*, 813-814.

Đây là trọng trách khá nặng nề. *Đại Nam liệt truyện* ghi lại:

Năm thứ 16 (1863), *Giản* được triệu về, sung làm chánh sứ đi Tây, vua hỏi *Giản* về việc ba tỉnh, quả là cân nhắc nặng nhẹ mà làm, hay là có ý riêng gì? *Giản* thưa rằng: Thần xem kỹ thời thế, không thể không được. Thần nay phụ mệnh đi sứ, thành sự hay không thành, là ở hai nước ấy. Thần chỉ biết tận hết tâm lực thôi.¹⁵

Biết rằng phải gánh nhiệm vụ cao cả, cụ Phan Thanh Giản chỉ muốn làm sao để hoàn thành nhiệm vụ. Khi xuất phát cụ có bài thơ rằng:

*Chín tầng lông lộng giữa trời thình,
Phụng chỉ ra đi buổi sứ trình.
Lo nỗi nước kia còn phiến biến,
Thương bề dân nọ cuộc giao chinh.
Nghìn trùng biển cả sang tây địa
Muôn dặm đường xa thẳng đố kinh.
Mây nước sang qua cùng Pháp quốc,
Rước đưa mừng rỡ cuộc hòa minh.¹⁶*

Họ rời cửa Thuận An (Huế), ngày 21.6.1863, đi vào Sài Gòn, rồi đổi tàu lớn đi tiếp sang Ấn Độ Dương, tới Suez (Ai Cập) đổi tàu vào Địa Trung Hải rồi cập bến Marseille ngày 10.9.1863. Bộ Ngoại giao Pháp phái Đại úy Hải quân Gabriel Aubaret, người thông ngôn của phía Pháp trong việc ký Hòa ước 1862, tới Marseille đón tiếp và tháp tùng sứ bộ đi xe lửa lên Paris.

Ba sứ thần và đoàn tùy tùng tới nhà ga Lyon thủ đô Pháp ngày 13.9.1863. Họ được bộ trưởng Bộ Ngoại giao Drouyn de Lhuys tiếp kiến. Phái bộ được sắp xếp để yết kiến hoàng đế Napoleon III vào đầu tháng 10, nhưng vì hoàng hậu đi vắng nên cuộc gặp gỡ phải hoãn lại. Sau khi chờ đợi gần cả hai tháng, họ được hoàng đế Napoleon III và hoàng hậu Eugenie tiếp kiến ngày 5.11 ở điện Tuileries, để trao quốc thư của vua Tự Đức. Đây là một sự kiện ngoại giao đáng kể mà cả báo chí Pháp và Anh đều loan tải.

Lúc đầu sứ bộ đã chán nản vì một vài hiểu lầm trong lúc phiên dịch, nhưng đã yên tâm hơn khi được biết hoàng đế Napoleon III hứa sẽ xem xét việc sửa lại một số điều khoản khắc nghiệt trong Hòa ước 1862. Hoàng đế đồng ý việc soạn thảo một hiệp ước mới

¹⁵ *Đại Nam liệt truyện*, bản dịch của Viện Sử học, tập IV, quyển 26, “Truyện các quan”, mục 16, (Huế: Thuận Hóa, 1993), 43.

¹⁶ “Thơ đi sứ nước Pháp”, Bài 1. Dẫn theo: Dương Quảng Hàm, *Việt Nam thi văn hợp tuyển* (Sài Gòn: Trung tâm học liệu xuất bản, 1968). Nguồn trên mạng: <https://www.thivien.net/Phan-Thanh-Gi%E1%BA%A3n/author-H7U7KCvecgO1KzCd1kGc9A>

và giao cho Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, Justin Proper de Chasseloup-Laubat và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Drouyn de Lhuys soạn thảo. Hai ông này lại yêu cầu Aubaret chấp bút.



Sứ bộ Đại Nam diện kiến hoàng đế và hoàng hậu Pháp
theo báo *Le Monde Illustré*, ngày 21-11-1863. Nguồn ảnh: gallica.bnf.fr

Trong hai tháng ở Paris, sứ bộ đi thăm những cơ sở công nghiệp ở kinh đô nước Pháp, và học hỏi được những điều mới. Nhật ký ghi lại một chương trình khá bận rộn. Mỗi ngày đều có tiếp tân hoặc thăm viếng. Sứ bộ thấy nhiều, biết nhiều và ghi chép nhiều, đặc biệt là những điều có liên quan đến kỹ thuật. Ngược lại, họ có vẻ khá lạnh nhạt với các cuộc tiếp tân nông hậu hay các buổi du hí, xem đua ngựa, kịch nghệ. Có lẽ vì trọng trách khá nặng nề nên các vị chỉ mong làm xong sớm nhiệm vụ rồi về nước.

Họ rời Paris và sang Madrid (Tây Ban Nha) để trình quốc thư cho nữ hoàng Isabella II, rồi đáp tàu về nước. Sứ bộ về đến Sài Gòn - Gia Định ngày 18.3.1864. Sau khi gặp gỡ các quan chức Pháp và Việt, một tuần sau các ông rời Sài Gòn ra kinh đô. Các ông về đến cửa Thuận An vào giờ Thân, lúc chạng vạng tối, ngày 28.3.1864.

Chuyến đi kéo dài hơn tám tháng rưỡi, khá vất vả, chắc hẳn đã để lại nhiều tâm tư cho sứ bộ nên ngay khi trở về Huế, các ông đã soạn thảo bản báo cáo lên triều đình. Bản báo cáo của sứ bộ ghi ngày 24 tháng Hai năm Tự Đức 17 (31.3.1864), ba ngày sau khi về tới kinh đô Huế. Đó là cuốn *Tây hành nhật ký*.

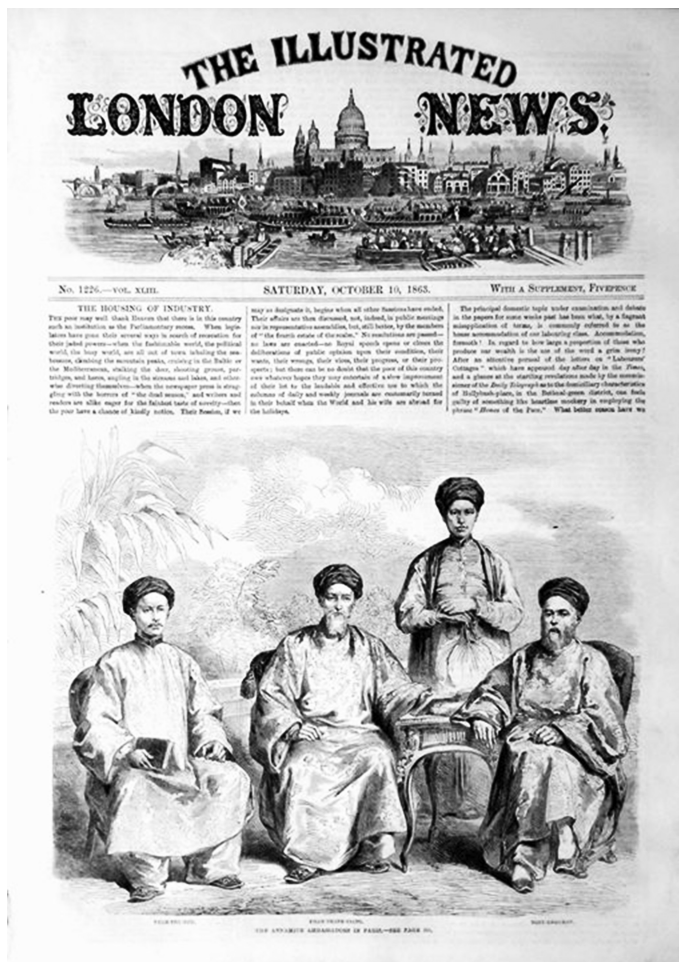
Tiểu sử Phạm Phú Thứ theo Đại Nam liệt truyện (trích đoạn)

So với hai ông Phan Thanh Giản và Nguyễn Khắc Đản, tiểu sử của Phạm Phú Thứ được ghi khá dài trong *Đại Nam liệt truyện*. Điều này cho thấy triều đình nhà Nguyễn khá coi trọng ông. Sau đây là trích đoạn tiểu sử của ông:

Tự là Giáo Chi, hiệu là Trúc Đường, biệt hiệu là Giá Viên, tiên tổ từ Bắc sang, lệ thuộc vào sổ ở huyện Diên Phước, tỉnh Quảng Nam. Phú Thứ mẹ chết sớm, nhà nghèo chăm học, cùng với anh là cử nhân Phú Duy thờ cha mẹ rất hiếu. Thiệu Trị năm thứ 3 (1843), đỗ tiến sĩ cập đệ, lúc đầu bổ biên tu, trải Tri phủ Lạng Giang, thăng Thị độc, vì có tang cha mẹ nghỉ chức, khi hết trở, sung chức Khởi cư chú (thư ký) ở lầu Kinh diên (nơi vua đọc sách).

Tự Đức năm thứ 3 (1850), bấy giờ nhân mưa rét, thấy nhà vua nào bái triều, nào nhà Kinh diên cũng ít ra ngự, Phú Thứ dâng sớ can lược rằng: ‘Lễ đại đình ít thấy ra triều thị, nhạc nội uyển kèn trống suốt cả đêm, nhà Kinh diên lâu không tới giảng, chốn triều đình lâu không ban hỏi, thần tử ở bốn phương phủ huyện cũng lâu không được thừa chỉ thanh vấn. Lại nói: thái y phương thuốc điều hòa, thực cũng quá ư nghệ thuật, quần thần dâng sớ thỉnh an, vì tình khuất cả lời nói’. Lời lẽ trong tờ không còn kiêng sợ, na ná là như thứ.

Vua cho lời nói khí quá khích, răn bảo không nữa bắt tội đình nghị cho là hủy báng định bắt tội đồ, nhưng giáng quan và ngôn quan xin khoan tha cho. Vua bảo: trẫm không nỡ bỏ, nhưng răn về nóng bậy quá, bèn bắt đi phối làm Thừa nông dịch (chạy trạm về việc canh nông). Được đầy năm lại khởi phục làm Điển tịch, phụng mệnh phái sang đông, rồi bổ Tri phủ Tư Nghĩa... Gặp quân ác Man ở Thạch Bích thuộc Quảng Ngãi làm rối loạn, quan quân tiến dẹp. Vua cho Phú Thứ trước đây có nhậm chức ở phủ Tư Nghĩa tình thế am hiểu phái đi theo quân thứ, Phú Thứ đem chi nhánh đánh phá trại Man ở Nước Dừa, dẹp yên. Trải thăng Án sát sứ ở hai tỉnh Thanh Hóa, Hà Nội rồi vào tham việc Nội Các.



Sứ bộ Đại Nam ở Paris, theo tờ *Illustrated London News* ngày 10.10.1863.

Phan Thanh Giản ngồi giữa, bên phải là Phạm Phú Thứ và bên trái là Nguyễn Khắc Đản. Nguồn ảnh: gallica.bnf.fr

Năm thứ 12 (1859), vì ốm cáo, vua sai người ban cho sâm quế thuốc men, Phú Thứ lại vì cải táng ngôi mộ bố xin về quê. Vua nói: ‘người nếu muốn muro báo đáp thời ngày còn dài, trẫm không trách về chóng mong kiến hiệu’, cấp cho 20 lạng bạc bảo về, khi tới Kinh tân xin các việc: đắp đê khơi sông và tuần phòng huấn luyện ở Quảng Nam được cất làm Thị lang Bộ Lại, rồi thụ Tham tri.

Năm thứ 16 (1863), chủ sớ Pháp ủy phái người tới báo về kỳ đi sứ, vua sai sung làm Khâm sai đại thần tới Gia Định cùng với nguyên sai là Phan Thanh Giản và Lâm Duy Thiếp cùng đi giảng thuyết. Vì không công trạng phải giáng một cấp được lưu. Lại sung Phó sứ sang Tây cùng với Chánh sứ Phan Thanh Giản và Bồi sứ Nguyễn Khắc Đản cùng đi, kịp lúc về có dâng hai tập: ‘Tây hành nhật ký’ và ‘Tây phù thi thảo’ mà tự trước tác ra.

Vua xem có cảm động, và làm một bài thơ để ghi có câu rằng: ‘Lịch thiệp dĩ thân nam tú chí, mẫu thời vị tất phó không chương’ (thỏa chí nam nhi khi lịch thiệp, lo thời chưa chắc để tờ không). Rồi đổi bổ Tham tri Bộ Lại.

Năm thứ 18 (1865), tiến thụ Hộ bộ Thượng thư sung Cơ Mật Viện đại thần...

Năm thứ 26 (1873), vì Hộ bộ giấu lỗi rồi về hóa vật của nhà nước, phải giáng Thị lang, rồi khai phục Tham tri, vẫn thực Thượng thư...

Năm thứ 31 (1878), thăng thụ Hiệp biện Đại học sĩ, vẫn lĩnh Tổng đốc...

Năm thứ 33 (1880), [vì có người dèm pha nên] vua giáng chức làm Quang lộc tự khanh, lĩnh Tham tri bộ Binh, rồi ông cáo ốm xin về hưu.

Năm thứ 34 (1881), thời mất, bấy giờ tuổi được 62, tinh thần tiêu lên, vua thương tiếc dụ rằng: ‘Phú Thứ kinh lịch nhiều khó nhọc, đi đông sang tây, dẫu yếu đuối cũng vâng mệnh không dám từ chối. Về việc tới trông coi Thương chính ở Hải Dương, khi tới nơi công việc đều có manh mối, sau này nên lấy đó noi theo. Những lưu dân gian chỉ chứa ác ở Quảng Yên, ông tới kinh lý cũng được yên. Rồi mở đồn điền ở Nam Sách, thực là lo xa chu đáo, đó là công cán ngày thường rực rỡ đáng nêu. Gia ơn cho truy phục nguyên hàm thụ Hiệp biện Đại học sĩ và chuẩn cho thực thụ cũng sắc cho địa phương tới tế 1 tuần’, đủ thấy quyền luyến chú ý là như thế.

Phú Thứ ngày đỗ tiến sĩ được vua ban cho tên như ngày nay, về văn học tài biện thực là đứng đầu ở Nam châu. Vua khi nhân hạ có đàm luận về văn chương. Thường nói: ‘văn của Khắc Đản theo cổ nhưng cứng, văn của Thanh Giản cũng theo cổ nhưng nhã, còn Phú Thứ chưa nhã, cứng lắm nếu cố gắng cũng thế’. Ngày làm Tổng đốc Hải An có quyển khắc các sách như: ‘Vạn quốc công pháp’, ‘Bắc vật tân biên’, ‘Hàng hải kim châm’, ‘Khai môi yếu pháp’, ‘Tòng chính di quy bản thảo’ và tự làm bài tựa gồm các yếu lược. Đó là muốn cho những người có chí được rộng kiến văn để bổ ích cho thực dụng... Ông có viết quyển ‘Tây hành nhật ký’, ‘Tây phù thi thảo’ và ‘Gia viên thi văn tập’ truyền bá ở đời.

Con có bốn người: Phú Tường đỗ tú tài ấm bổ tu soạn, lĩnh Tri phủ Quảng Trạch, mắc tội về làm lang biện trông coi công việc khơi sông ở tỉnh mình, Phú Khanh hàm bát phẩm ở Khánh Hòa,

*Phú Khang bổ Hàn lâm viện biên tu, bị nguy đảng bắt giữ, tặng trước tác và Phú Lãm làm bang biện ở huyện Hòa Vang.*¹⁷

Có một chi tiết trong *Đại Nam thực lục* có ghi mà các sử gia ít chú ý tới. Đó là việc triều đình cũng đã cử Phạm Phú Thứ đi cùng với Phan Thanh Giản trong cuộc thương thuyết lần thứ nhất ở Sài Gòn. Vì thất bại nên ông bị giáng cấp, sau đó bổ sung đi ngoại giao ở Âu châu.

Tác phẩm *Tây hành nhật ký* của Phạm Phú Thứ

Tác phẩm *Tây hành nhật ký*, cũng gọi là *Giá Viên biệt lục*, ghi lại chuyến đi sứ sang Pháp và Tây Ban Nha của sứ bộ Nam triều năm 1863-1864.¹⁸ Trong kho sách của Viện Nghiên cứu Hán Nôm ở Hà Nội hiện có bốn dị bản của *Giá Viên biệt lục (Tây hành nhật ký)*: ba bản in đời Thành Thái, mang ký hiệu VHv.1770 (292 trang), VHv.296/1-2 (188 trang), VHv.2232 (104 trang), và một bản viết tay ký hiệu A.100 (140 trang) có tựa đề là *Tây phù nhật ký*.

Ngoài ra cách đây hơn 100 năm, đã có một bản văn mang tựa đề *Như Tây sứ trình nhật ký*, “chữ rất đẹp, gồm có 313 trang, khổ 33,8 cm x 19 cm và chia làm ba quyển”. Hai quyển đầu - vì có liên quan đến nước Pháp - đã được các ông Nguyễn Đình Hòe và Ngô Đình Diệm dịch ra tiếng Pháp và đăng trong *BAVH* dưới tựa đề “L’Ambassade de Phan Thanh Giản” (Sứ bộ Phan Thanh Giản).¹⁹

Trong chuyến đi sứ của mình, ngoài việc ghi chép những điều mắt thấy tai nghe, Phạm Phú Thứ còn sáng tác một tập thơ kèm theo, có nhan đề là *Tây phù thi thảo*.

Sở dĩ sách này còn gọi là *Giá Viên biệt lục* (Những ghi chép khác của Giá Viên) vì *Giá Viên* là tên hiệu của Phạm Phú Thứ. Đó cũng là cái tên sách mà các con cháu ông đã chọn sau khi kiểm tra bản thảo và cho khắc in.²⁰

¹⁷ *Đại Nam liệt truyện*, Sđd, mục 24.

¹⁸ Tôi chưa có dịp tiếp cận với các bản Hán Nôm, chỉ biết tác phẩm này qua bản dịch của Quang Uyển (1999).

¹⁹ *BAVH* (1919), 161. Theo ông Quang Uyển (Sđd, 5-6) thì bản dịch Pháp có một nhiều danh từ riêng được phiên âm khác nhau, ở một vài đoạn trật tự sắp xếp cũng khác, số liệu cũng có dị biệt. Tác giả cho rằng đây là “bản chép lại chứ không phải là bản gốc nên mới có tình trạng thay tên đổi họ như vậy”. Đây là vấn đề phải được nghiên cứu sâu hơn vì có thể bản chép tay là một dị bản chưa được sửa chữa để khắc in, mà bản in cũng chưa chắc là bản gốc chưa qua quá trình chỉnh sửa.

²⁰ Theo lời tựa trong sách thì cháu ông gọi bằng chú, Phạm Đình Thư và hậu học Trương Trọng Hữu tập hợp và kiểm tra bản thảo.

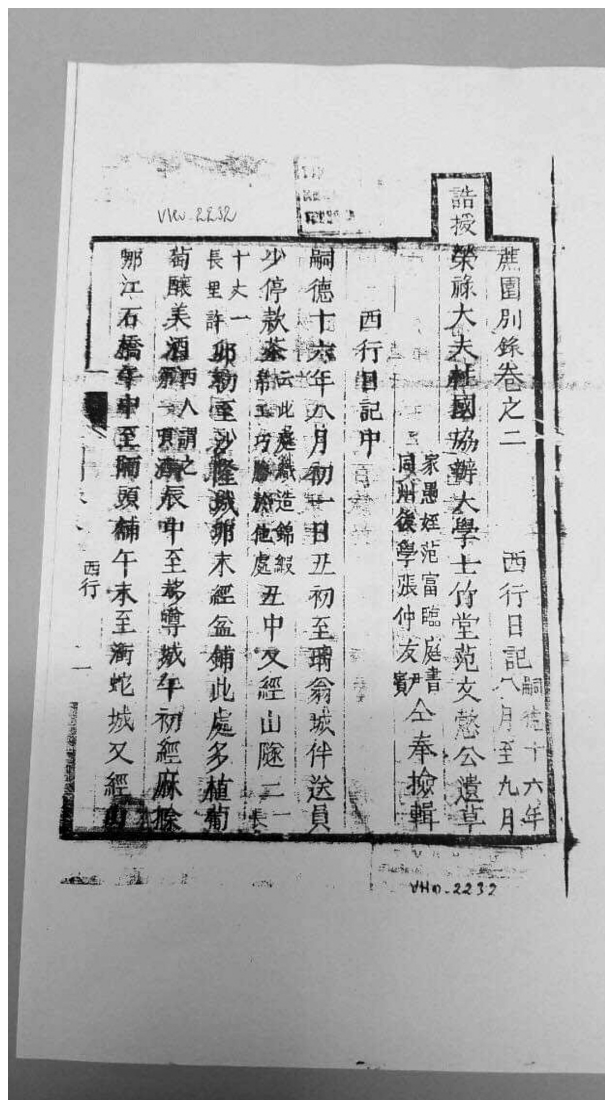
Như vậy, sách có các tên: *Tây hành nhật ký*, *Tây phù nhật ký*, *Như Tây sứ trình nhật ký* trong các bản thảo khác nhau. Có lẽ tên nguyên thủy của sách này là *Như Tây sứ trình nhật ký*, là bản đã trình lên vua Tự Đức.

Mặc dù trong tác phẩm khắc in ghi rằng tác giả là Phạm Phú Thứ soạn, tác phẩm này cũng có thể nói là có đóng góp của cụ Phan Thanh Giản, vì trong văn bản có nhiều chỗ ghi là “tôi, Phan Thanh Giản”, có chỗ thì ghi là “tôi, Phạm Phú Thứ.” Lời mở đầu của sách *Tây hành nhật ký* cũng xác định đây là công trình tập thể:

“Vâng mệnh đi sứ sang Tây, chúng thân Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Khắc Đản tâu rằng: ngày tháng Năm năm ngoài, chúng thân được phái sang hai nước Phú Lãng Sa (Pháp) và Y-pha-nho (Tây Ban Nha) đi sứ đáp lễ nay đã trở về. Ngoài các thứ công văn và sổ sách ghi các vật hạng chi dùng đã sắp xếp xong xuôi và ghi chép đầy đủ, tất cả những điều nghe, thấy, hỏi, đáp trong lúc đi đường, chúng thân đều hội ý với nhau ghi từng ngày để đệ trình. Cúi mong hoàng thượng xem xét”.²¹

Cuốn *Tây hành nhật ký* chủ yếu là ghi lại các biến cố mỗi ngày, đi tới đâu, gặp ai, làm gì. Cuốn sách chứa đựng nhiều thông tin khá lý thú, nhưng không dễ đọc vì viết theo kiểu sử biên niên. Độc giả không quen với các danh từ phiên âm sẽ không nắm được rằng họ đi tới đâu và gặp những ai.

Đối với người đọc, phần có giá trị nhất là những thông tin về thế giới bên ngoài. Các tác giả tiếp xúc gặp gỡ với nhiều sắc dân khác nhau trên đường đi, ghi chép một ít mô tả về những dân tộc này, từ người Java (ở Indonesia) đến Ấn Độ, Do Thái, Ba Tư, A Rập, Ai Cập và các dân Âu châu: Hà Lan, Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Ý đủ cả. Họ so sánh kỹ thuật của nước này với nước kia và kết luận là trình độ khoa học kỹ thuật của Âu châu là đáng



Tây hành nhật ký, quyển trung, bản ký hiệu VHv 2232 của Viện Nghiên cứu Hán - Nôm

²¹ Dựa trên bản dịch của Quang Uyển (*Sđd*, 14), có chỉnh sửa lại văn phong.

học hỏi. Thí dụ như khi vừa lên thuyền lớn thì các ông đã ghi chép tỉ mỉ cách vận hành của tàu đi biển cùng những sinh hoạt trên tàu. Khi đến Tân Gia Ba, được đi phố, thì các ông cũng ghi lại những quan sát của mình về phương tiện di chuyển như xe ngựa, phương thức thông tin như điện báo. Vừa đến Pháp thì họ tham quan xưởng đúc sắt thép, xưởng đóng tàu. Ở Paris, thì khảo sát kỹ thuật nhiếp ảnh, mạ vàng bạc.

Trong thời gian ở Pháp, họ chú ý khảo sát các cơ sở công nghệ của Pháp, nghiên cứu quy trình vận hành và sản xuất. Không những chỉ nghiên cứu về khoa học kỹ thuật mà họ còn để ý tới cách người Âu châu điều hành thương mại, thuế khóa. Ngoài ra, Phạm Phú Thứ còn để ý đến những kỹ thuật nông nghiệp như xe đập nước ở Ai Cập rồi mang về áp dụng bên quê nhà.

Chuyến hải hành đi sang trời Âu

Nội dung *Tây hành nhật ký* được chia làm ba quyển. Quyển thượng chép về cuộc hải trình từ Huế sang Pháp. Quyển trung chép về những sự việc xảy ra trên đất Pháp. Quyển hạ chép về chuyến đi sứ ở Tây Ban Nha và trở về Huế.

Theo *Tây hành nhật ký* (quyển thượng), phái đoàn khởi hành từ cửa Thuận An ngày 21.6.1863 (giờ Mùi, ngày 6 tháng Năm Quý Hợi, Tụ Đức năm thứ 16). Đến ngày 25.6, vào Bến Nghé (Sài Gòn) - Gia Định.

Sau đó, ngày 03.7, lên tàu Européen từ Sài Gòn sang Tân Gia Ba. Sau đó đi tiếp ra Ấn Độ Dương. Ngày 09.8, tàu đến cảng Aden. Nguyễn Văn Trường, thông ngôn của sứ bộ qua đời và chôn ở đó.

Sau đó tàu chạy tiếp đến cảng Suez xứ Ai Cập²² ngày 17.8. Đến nơi, Rennier cho biết đi qua các nước thì sẽ có các phái đoàn đón chào, sứ bộ phải trưng quốc kỳ theo nghi lễ ngoại giao. Vì lá cờ chỉ có một màu dễ lầm lẫn, nên sứ bộ phải thêu thêm bốn chữ Hán: *Đại Nam khâm sứ* bằng tơ đỏ để phân biệt. Đó là lần đầu tiên quốc kỳ của Đại Nam được chào đón.

Sứ bộ lên bờ nghỉ ngơi rồi tham quan Ai Cập bằng xe lửa. Sứ bộ gặp gỡ và tiếp kiến với quốc trưởng Ai Cập và được chiêu đãi đàng hoàng.

Đến ngày 27.8, đoàn đi Alexandria chờ tàu đi Pháp. Trong thời gian này thì Nguyễn Gia Huy, y sĩ của sứ bộ bị bệnh, chết và an táng ở đây. Ngày 02.9, sứ bộ xuống tàu Labrador ở Alexandria (Ai Cập) để đi Toulon (Pháp).

Khi tàu tiến vào vịnh Toulon vào ngày 09.9, sứ bộ được nghênh tiếp bởi 17 phát đại bác chào mừng. Đại diện Bộ Ngoại giao Gabriel Aubaret lên tàu đón sứ bộ. Là người có

²² Lúc đó kênh đào Suez chưa làm xong nên tàu thuyền phải neo lại và đi bộ lên đất Ai Cập qua cảng Alexandria mới đáp tàu đi tiếp được.

khiếu ngôn ngữ, biết tiếng Hoa và Việt, Aubaret (tên phiên âm Việt là Ha Bà Lý) đã là thông dịch viên cho phía Pháp trong Hòa ước 1862 và sẽ đóng vai trò quan trọng trong chuyến đi này.²³

Hai hôm sau tàu cập bến Marseille và mọi người lên bờ. Từ Marseille, ngày 12.9, cả đoàn lên xe lửa và tới kinh đô Paris vào Chủ nhật, khoảng 7 giờ chiều ngày 13.9.

Tây hành nhật ký (quyển trung), chép tiếp các hoạt động của sứ bộ trên đất Pháp. Khi đến Paris, các sứ thần Đại Nam được đoàn kỵ binh hộ tống về nghỉ tại 17 phố Lord Byron, kề cận Khải Hoàn Môn. Hôm sau, Aubaret đến thông báo rằng hoàng đế đang đi vắng và sẽ trở về vào đầu tháng 10. Cựu đô đốc Bonard cũng đến thăm hỏi. Aubaret cũng xin bản sao của quốc thư để dịch ra tiếng Pháp trước.

Ngày 18.9, Aubaret dẫn phái đoàn đến gặp Ngoại trưởng Pháp Drouyn de Lhuys và được chào đón nồng hậu. Trong khi chờ đợi hoàng đế, sứ bộ có thời gian tham quan kinh thành Paris do Bonard và Aubaret hướng dẫn. Vì hoàng đế muốn xem ảnh của các sứ thần, đoàn đã đồng ý để được chụp hình ngày 20 và 21.9 tại tòa công sứ nơi họ đang cư ngụ. Ngày 09.10, Aubaret lại hoãn cuộc tiếp kiến để chờ hoàng hậu từ Tây Ban Nha về.²⁴

Trong thời gian ở Paris, đoàn đi tham quan các vườn cây cảnh, bảo tàng, vườn thú, nhà thờ, cung điện, xem nhạc kịch, biểu diễn thể thao. Không chỉ quan sát đời sống và sinh hoạt của người Pháp, họ cũng đến xem nhiều cơ xưởng chế tạo máy móc, xưởng dệt thảm, lò gốm, phóng khinh khí cầu, vũ khí, đạn dược, xưởng làm giấy, nhà in, chế biến thuốc lá.

Ngoài ra sứ bộ cũng tiếp các khách người gốc Việt đang cư trú tại Pháp từ nhiều năm nay, như Michel Đức Chaigneau (con của Jean-Baptiste Chaigneau), Nguyễn Thị Sen (vợ của Philippe Vannier) và con gái²⁵, cũng như các lãnh sự người nước ngoài như Áo, Thổ Nhĩ Kỳ đang ở Paris.

Cuối cùng ngày 05.11.1863, buổi sáng các sứ thần đến dự phiên họp Quốc hội Pháp do hoàng đế chủ tọa.²⁶ Buổi chiều, các sứ thần được diện kiến hoàng đế Napoléon III và

²³ Aubaret đã dịch *Gia Định thành thông chí* (của Trịnh Hoài Đức) và *Hoàng Việt luật lệ* (Luật Gia Long) ra tiếng Pháp.

²⁴ Có lẽ đây chỉ là cái cớ để câu giờ, vì từ khi Aubaret đòi dịch quốc thư sang tiếng Pháp, thì chính giới Pháp đã biết mục đích của sứ bộ. Họ đang phân vân giữa hai khuynh hướng: phe ngoại giao và tài chính thì tán thành thương lượng, còn phe quân đội thì muốn chiếm Nam Kỳ.

²⁵ Các ông J.B. Chaigneau và P. Vannier đã phục vụ cho quân đội Gia Long, làm tới chức chưởng cơ, có vợ Việt. Họ về Pháp từ vài thập niên trước.

²⁶ Đây là theo *Tây hành nhật ký* ghi lại, ngày 24 tháng 9 năm Quý Hợi (theo lịch ta). Còn bài viết của Delveaux, "L'ambassade Phan Thanh Giản en 1863" trong *BAVH* (1926), No. Jan-Mar, thì lại ghi là ngày 07.11.1863 theo lịch Tây. Tôi chưa biết tại sao có sự khác biệt này.

hoàng hậu ở điện Tuileries, và trình lên quốc thư.²⁷ Hoàng đế nhận quốc thư và có lời đáp từ. Sau đó, phái bộ xá ba xá theo nghi lễ rời ra về. Aubaret đưa sứ bộ tới gặp Bộ Ngoại giao nhận bức thư hồi đáp của phía Pháp.

Hôm sau, cựu Đô đốc Palanca và Lãnh sự Tây Ban Nha Moto đem đến cho sứ bộ bức thư của nước họ đề nghị buôn bán, viết một bản bằng chữ Tây và một bản bằng chữ Hán, nội dung cũng tương tự như bức thư hồi đáp của Pháp.

Trước khi từ giã, đoàn tặng quà cho các quan viên người Pháp và một số người Việt ở Paris tỏ lòng hiếu khách.

Ngày 09.11, sứ bộ rời Paris đi xe lửa qua Lyon rồi đến Marseille. Trong chuyến sang Tây Ban Nha, vì số người giới hạn nên một số người trong đoàn, phần lớn là lính và phục dịch phải ở lại để chờ tàu đi về sau, chỉ có 20 người lên xe lửa.²⁸ Hôm sau thì cả đoàn lên tàu Tây Ban Nha để đi Madrid.

Tây hành nhật ký (quyển hạ) kể tiếp hành trình đi Tây Ban Nha. Tàu ghé bến Alican vào ngày 13.11. Ngày 14.11, lấy xe lửa đi Madrid. Sau hai ngày nghỉ ngơi và chuẩn bị, ngày 18.11, sứ bộ diện kiến Nữ hoàng Isabelle II trình quốc thư, có Aubaret làm thông dịch viên. Hôm sau Nữ hoàng lại tiếp kiến sứ bộ Đại Nam chung với phái đoàn ngoại giao khác của Roma, Pháp, Anh, Bỉ, Hà Lan, Anh, Áo, Phổ và mấy nước châu Mỹ Latin khác. Sau đó, Bộ Ngoại giao Tây Ban Nha, đến gặp sứ bộ trao quốc thư phúc đáp.

Bốn hôm sau, ngày 22.11, cả đoàn lên tàu Lepanta về nước. Trên chuyến tàu trở về nước Nam có Trương Vĩnh Ký làm thông ngôn cho phái đoàn trong những dịp cập cảng.²⁹

Tàu khởi hành từ Almansa băng qua Địa Trung Hải theo đường cũ trở về Ai Cập. Trên đường đi tàu có ghé Genoa, rồi Roma, mỗi nơi mấy ngày. Tới bờ biển ngoài khơi Roma, thì sứ bộ không rời tàu, nhưng cho phép Trương Vĩnh Ký lên bờ vào diện kiến Giáo hoàng ở Roma.

Đến ngày 09.12, tàu bị hỏng phải cập bến Naples (thuộc Italia). Tàu sửa xong nhưng gặp bão nên cũng chưa đi được, phải chờ hai tuần. Cuối cùng, ngày 26.12.1863, bắt đầu khởi hành về nước đi theo chiều ngược lại qua Hy Lạp, cập bến Alexandria ở Ai Cập ngày 27.01.1864.

²⁷ Bức ảnh minh họa đăng ở *Monde Illustrée* (số ra ngày 21.11.1863) và in lại trong *BAVH* (1921) hình LXXXIII.

²⁸ Theo *Tây hành nhật ký* thì ngoài ba sứ thần trên còn có Nguyễn Văn Chất, Hồ Văn Long, Nguyễn Hữu Thận, Hoàng Kỳ, Lương Văn Thái và 14 tùy tùng. Đến lúc khởi hành thì lại có thêm Aubaret, Tôn Thọ Tường, Trương Vĩnh Ký cùng hai tùy tùng, nên giờ chót Lương Văn Thái và bốn người nữa phải ở lại. Không biết số phận của những người này sau này ra sao.

²⁹ Trong chuyến đi thì Trương Vĩnh Ký đi với nhóm người Pháp, chuyến về mới theo phái bộ Nam triều.

Một số người của đoàn không đi Tây Ban Nha đã theo tàu Pháp đến đây trước. Sứ bộ lên bờ tiếp kiến quốc trưởng Ai Cập rồi tặng quà lưu niệm. Sau đó đi xe lửa xuống Suez. Sau đó mọi người nhập đoàn với những người đã tới trước. Trong thời gian tàu Tây Ban Nha bị kẹt cả tháng ở Địa Trung Hải, chính phủ Pháp có cho tàu lớn đi khắp cửa biển tìm tàu chở sứ bộ. Cuối cùng gặp nhau ở đây.

Ngày 29.01, sứ đoàn đáp tàu Japon rời biển Hồng Hải đi qua vịnh Aden vào Ấn Độ Dương, Trên đường về ngược gió nên tàu đi chậm hơn, có ghé Sri Lanka mấy ngày để lấy than đá và sửa máy. Ngày 01.3, tàu rời Sri Lanka đi xuống eo Malacca (giữa Mã Lai và Sumatra) trước khi đi qua Singapore để vào biển Đông. Ngày 11.3, thả neo ở Singapore để lấy thêm nhiên liệu (than đá). Hôm sau Aubaret, lúc này đã được bổ nhiệm làm đại sứ ở Xiêm La, ghé lên tàu thăm và báo rằng chừng một tháng nữa sẽ ghé Gia Định rồi ra kinh đô Huế tiếp tục thương thảo về hiệp ước mới.

Ngày 14.3, tàu rời Singapore đi Gia Định. Sứ bộ về đến Cần Giò ngày 18.3.1864, lưu lại một tuần ở Sài Gòn - Gia Định rồi đáp tàu Echo ra khơi về đến cửa Thuận An ngày 28.3.1864 (giờ Thân, ngày 11 tháng Hai Giáp Tý, Tỵ Đức năm thứ 17), kết thúc sứ mệnh khó khăn trải dài tám tháng rưỡi đây vất vả về tinh thần và thể lực.

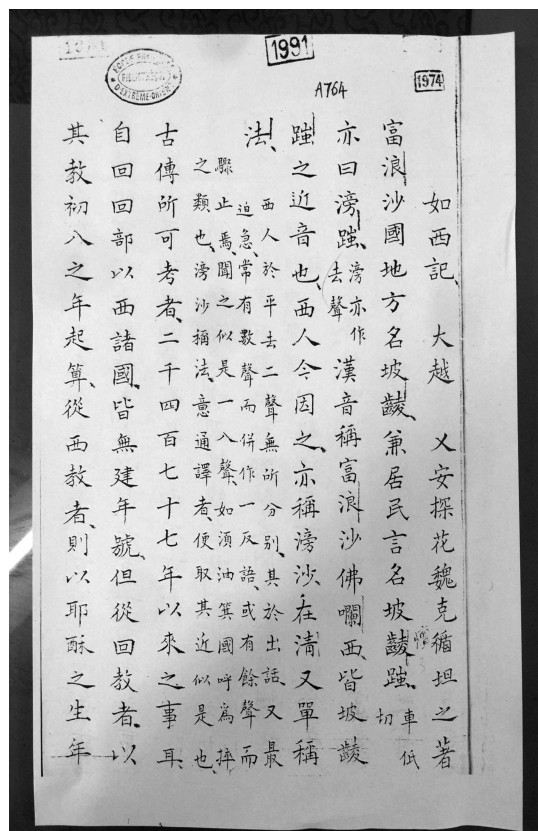
Tác phẩm *Như Tây ký* của Nguyễn Khắc Đản

Ngoài cuốn *Tây hành nhật ký* đã kể ở trên, vị Bồi sứ Nguyễn Khắc Đản cũng có những ghi chép riêng của mình về chuyến đi.

Tiểu sử Nguyễn Khắc Đản, theo *Đại Nam liệt truyện* như sau:

Cha là Khắc Thận, đầu năm Gia Long đỗ hương tiến, ở nhà dạy học. Khắc Đản thuở nhỏ thông minh. Năm Tỵ Đức thứ 9 (1856), Đản đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ tam danh (tức là Thám hoa) bài đối sách của Đản nói nhiều câu khẩn thiết. Vua xem rồi khen, ví Đản như con hạc đứng ở trong đàn gà. Bắt đầu được bổ vào viện Hàn lâm rồi thăng mãi đến Án sát sứ Quảng Nam.

Năm Tỵ Đức thứ 16 (1863), chọn Đản đi sứ Tây. Vua bảo rằng: Việc đi tùy câu hỏi mà trả lời lại, thực là khó lắm, phải có can đảm, mới có thể nên việc. Đình thần đem Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ và Khắc Đản sung tuyền. Nhưng Khắc Đản vì có mẹ già, xin từ chối. Vua bảo rằng: Đạo làm tôi,



Trang đầu của *Như Tây ký*, bản A 764 của Viện Nghiên cứu Hán Nôm

công nghĩa là trước. Người cứ đi, còn mẹ già người, trẫm sai quan có chức trách đến thăm hỏi, cũng được. Năm sau Đản đi sứ về thăng Bộ chính sứ Nghệ An; lại khâm sai kinh lý Trấn Ninh, sung Tuyên phủ sứ; rồi thụ Hữu tham tri Bộ Hộ. Gặp dân hạt tỉnh Nghệ biến động, việc giao thiệp phiên phúc, vua chuẩn cho Đản cứ lưu ở đấy làm việc.

Năm Tự Đức thứ 25 (1872), Đản được triệu về Kinh quyền lĩnh Thượng thư Bộ Binh; lại đổi làm quyền lĩnh Bộ Công, sung Tham biện Cơ Mật Viện. Sau vì bệnh cáo về rồi chết. Vua chuẩn cho thực thụ hàm Tham tri, sai quan đến tế. Con là Khắc Khoan, được ấm thụ bổ quan đến Tri huyện.³⁰

Không như cuốn *Tây hành nhật ký* kể lại chuyến đi của sứ bộ và những điều học hỏi được về mặt khoa học kỹ thuật, công nghệ, thuế khóa, cuốn *Như Tây ký* của Nguyễn Khắc Đản giống như một cuốn cẩm nang bỏ túi về nước Pháp, ghi lại những điều ông đã học hỏi được trong thời gian ở Paris. Trong hành trình ngoại giao này, *Như Tây ký* (chỉ có một bản chép tay được lưu trữ ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A.764) là một sách biên khảo theo từng chủ đề một.

Theo thông tin từ Viện Nghiên cứu Hán Nôm thì đây là một cuốn sách chép tay có 180 trang, khổ sách 29 x 30 cm, mỗi trang 11 dòng, mỗi dòng có trung bình 19 chữ với hai khổ, chính văn dùng chữ khổ lớn, chữ khổ nhỏ hơn dành cho chú thích. Văn bản viết bằng chữ Hán, nhưng tên người tên đất phiên bằng chữ Nôm.

Tài liệu không cho biết chép năm nào, nhưng theo Cao Việt Anh thì bản này chép sau năm 1889 khi vua Thành Thái quy định dùng chữ *thìn* (thần) thay cho chữ *thì* (thời) vì kỵ húy vua Tự Đức.³¹

Như Tây ký là một cuốn sách giới thiệu về nước Pháp. Sách chia làm nhiều mục, có thể gom làm ba phần chính:³² Phần một: *Lịch sử - Tôn giáo - Địa lý nước Pháp*; Phần hai: *Chính thể nước Pháp*; Phần ba: *Sinh hoạt thường ngày ở nước Pháp*.

Với số đề tài phong phú, sách cho phép độc giả so sánh giữa nước Pháp và những nước láng giềng như Ý, Tây Ban Nha, Anh, Nga và xa xôi hơn là Hy Lạp, Ai Cập, Do Thái. Điểm đặc biệt của cuốn sách này, cũng như cuốn *Tây hành nhật ký*, là phiên âm các địa danh sang chữ Nôm từ tiếng Pháp, chứ không qua trung gian chữ Hán như trước kia.

Trong sách ta bắt gặp nhiều kiến thức cơ bản được ghi lại, như phép thiên văn Tây phương (ương lịch) với lịch pháp Hoa Việt (âm lịch), lịch sử Do Thái giáo, Thiên Chúa giáo và Hồi giáo, các nhân chủng trên thế giới, hệ thống tọa độ địa lý, hệ thống bưu cục,

³⁰ *Đại Nam liệt truyện, Sđd*, mục 16, 32-33.

³¹ Cao Việt Anh, *Sđd*, 24-25.

³² Đây là chia theo bản dịch, trong nguyên bản không có chia từng mục, viết tiếp từng mục này vào mục khác.

thư tín, phong tục hôn nhân tang ma, thổ sản, ẩm thực, trang phục, nhà cửa, đồ vật trong nhà, phương tiện di chuyển, v.v.

Ngoài ra ông cũng cung cấp những thông tin căn bản về lịch sử nước Pháp, biên giới, lãnh thổ, số liệu của các tỉnh, huyện và các lý sở trực thuộc, hệ thống hành chính, quân sự, các bộ và cơ quan công quyền, lương bổng, giá cả, quy hoạch thành phố. Đặc biệt vì ở Paris khá lâu, ông mô tả kinh thành này với nhiều chi tiết hơn là các tỉnh lỵ khác của Pháp.

Tác giả đặc biệt lưu tâm đến chính thể của Pháp. Ông mô tả vai trò của quốc vương, hội đồng nội các và guồng máy chính quyền. Trong số 10 bộ của chính phủ Pháp, tác giả đặc biệt lưu tâm nhiều đến Bộ Hải quân và Thuộc địa, và sau đó là Bộ Giáo dục và các Tín ngưỡng. Ông mô tả chi tiết về cơ cấu các binh chủng (kỵ binh, thủy quân, bộ binh), vũ khí, và sự phân bổ binh lực ở chính quốc và các thuộc địa của Pháp. Ông trình bày cơ chế giáo dục của Pháp cũng như cách vận hành của xã hội Pháp.

Thí dụ như khi bàn về cách xử thế ở Tây phương, Nguyễn Khắc Đản cho biết:

“Lẽ chung, khi quan chức phương Tây xử lý công vụ đều đề cao uy nghi, có công văn truyền lệnh, cực kỳ nghiêm chỉnh. Khi không phải thực thi công vụ thì phong thái cởi mở, không có cách biệt với dân. Trong chốn công cộng đông người, khi có một, hai vị đạo cao vọng trọng thì xưng hô theo phép quan trường; ngoài [công đường] ra tuy phẩm hàm có cao thấp song đại thể đều xưng hô bằng tên, không câu nệ kỵ húy. Giao thiệp giữa người với nhau chuộng ngọt ngào hấp dẫn, [họ] cũng thích đối phương ân cần lời cuốn mình. Nếu có chút xưng khắc nhỏ thì bỏ qua; sớm chiều gặp nhau tuy là người sống chung cũng vẫn lịch thiệp bắt tay; người dưới, người nhỏ tuổi thì phải chủ động kính lễ với bậc tôn trưởng, sau đó mới dám nắm bàn tay người bề trên. Nếu bậc tôn trưởng lướt qua thì chỉ nhắc mào [đội đầu] thì lễ mà thôi”.³³

Có thể nói cuốn *Như Tây ký* bổ sung cho *Tây hành nhật ký* khi ghi chép lại lịch sử, tôn giáo, văn hóa, cách tổ chức xã hội, kinh tế, thương mại, chính trị, quân sự ngoại giao. Để ghi lại tất cả những điều này, có thể nói ông đã tiếp thu được một khối lượng lớn thông tin về nước Pháp mà ít người có thể làm được. Đây là một khởi đầu cho hành trình tri thức của người Việt ở cuối thế kỷ XIX.

Tiểu kết

Hai tác phẩm *Tây hành nhật ký / Giá Viên biệt lục* và *Như Tây ký* giúp chúng ta có thêm tư liệu để đánh giá chuyến đi Tây của sứ bộ Đại Nam. Cho dù mục đích ban đầu của sứ bộ được vua Tự Đức giao là điều đình với triều đình Pháp để chuộc lại ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ đã không có kết quả rõ rệt, sứ bộ cũng đã có dịp tiếp cận với xã hội Pháp và biết rõ thế mạnh thế yếu của người Pháp.

³³ Cao Việt Anh, *Sđđ*, 174-75.

Khi trở về nước, các ông đã ghi chép đầy đủ những gì mắt thấy tai nghe để trình lên vua Tự Đức. Mặc dù các ông không phải là những người duy nhất đi Tây ở thế kỷ XIX, nhưng trong tác phẩm, các ông đã không tỏ ra choáng ngợp hay có thái độ chối bỏ, khi quan sát trình độ khoa học kỹ thuật, sức mạnh quân sự của người Pháp.

Trong khi đi sứ, các ông chú ý đến và ghi chép lại những vấn đề tài chính, giao thông và quân sự, hệ thống bưu điện, những con đường lát đá, thành lũy, cách tổ chức quân sự, vũ khí, hệ thống thuế khóa, v.v. Đây là những kiến thức của văn minh Âu châu, cần thiết để canh tân đất nước.

Các tác phẩm này thể hiện tư tưởng canh tân của các nhà nho yêu nước, muốn mở rộng tầm nhìn cho triều đình Tự Đức ra ngoài thế giới Trung Hoa. Mặc dù sử liệu nhà Nguyễn không đề cập nhiều những gì xảy ra sau chuyến đi này, có vẻ như vua Tự Đức đã quan tâm nhiều hơn đến việc cử người đi quan sát và học hỏi kỹ thuật Tây phương. Tuy nhiên, sự bảo thủ của các quan lại và tư tưởng nghi ngại phương Tây của triều đình nhà Nguyễn đã bỏ qua những kiến nghị canh tân mà không thực hiện sớm và đầy đủ, để đủ sức đương đầu với người Pháp.

Chuyến đi Tây này đã để lại trong lòng cụ Phan khá nhiều tâm tư. Sau chuyến đi cụ làm bài thơ *Tự thán* để tỏ nỗi lòng:

*Từ ngày đi sứ tới Tây kinh,
Thấy việc Âu châu phải giật mình.
Kêu gọi đồng bang mau kịp bước
Hết lời năn nỉ chẳng ai tin...³⁴*

Lịch sử cho biết cụ Phan Thanh Giản và các cộng sự viên đã cố gắng đề nghị triều đình Huế gắn bó với Pháp qua một hiệp ước hòa bình và hữu nghị, mở các cảng phục vụ ngoại thương, cử dân đi học ở các nước văn minh hơn, tiến hành đổi mới hành chánh, thuế khóa, nội trị - vì đó là những điều kiện không thể thiếu để đất nước cường thịnh.

Tháng 6.1864, Auberet đại diện chính phủ Pháp đã đến kinh đô Huế để bàn bạc một hiệp ước mới, thương lượng về nguyên tắc trả lại ba tỉnh miền Đông. Yêu sách của nước Pháp đòi nhiều hơn



Phan Thanh Giản năm 1863.
Ảnh: Jacques-Philippe Potteau

³⁴ Trịnh Văn Thanh, *Thành ngữ điển tích danh nhân từ điển* (tập 2) (Sài Gòn: Hồn thiêng, 1966), 996.

những địa điểm trong ba tỉnh miền Đông mà triều đình Huế đã đồng ý, đòi đến tám xứ, 192 xã thôn. Cộng thêm việc đòi nợ gấp rút để gây áp lực với triều đình. Vua Tự Đức lại cử Phan Thanh Giản làm toàn quyền đi sứ đại diện cho Đại Nam đi đàm phán. Cụ Phan hết mực chối từ và đề nghị Trương Đăng Quế làm đại sứ, nhưng vua Tự Đức nhất định buộc cụ đi điều đình với Aubaret vì cho rằng cụ đã biết ít nhiều về phía Tây phương.³⁵

Ngày 15.7.1864, Phan Thanh Giản và Gabriel Aubaret ký hiệp ước mới chấp thuận trả lại ba tỉnh Nam Kỳ, nhưng hiệp ước này chỉ có tính cách tạm thời trong khi chờ đợi chỉ thị của chính phủ Pháp. Nhưng tại Pháp, đặc biệt là Đô đốc La Grandière và những người ủng hộ việc bành trướng ở nước ngoài cực lực chống lại dự án trả lại đất của cụ Phan và Aubaret. Họ tạo nên luồng dư luận gây sức ép cho chính phủ. Cuối cùng trong cuộc họp nội các ngày 10.11.1864, chính phủ Pháp đã bác bỏ hiệp ước trả lại ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ mà Phan Thanh Giản đã cố công dàn xếp.³⁶

Dù biết rằng việc đã không thành nhưng vua Tự Đức vẫn thẳng bổ Phan Thanh Giản làm Hiệp biện Đại học sĩ Hộ bộ Thượng thư sung Kinh lược sứ ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên (1865) để sai phái ông vào Nam đương đầu trước làn tên mũi đạn. Cụ Phan biết rõ rằng mình chỉ là “vật tế thần” cho triều đình luận tội, bèn xin khước từ vua không chấp thuận. Sau đó lại xin hưu trí với lý do vì tuổi già sức yếu không kham được việc lớn vua cũng không cho.³⁷ Thế là phải phụng mệnh!

Ba lần đi cầu hòa - 1862, 1863, 1864 - nhưng ba lần cụ Phan Thanh Giản đã tận sức mà không lay chuyển được cục diện. Cho nên sau khi thành Vĩnh Long thất thủ, cụ tự biết không thể làm gì khác được, nên tuân tiết để tận trung báo quốc.

Như vậy chuyến đi của sứ bộ Phan Thanh Giản ở châu Âu chỉ có thể làm chậm lại tham vọng của La Grandière, người được phong làm Thống đốc Nam Kỳ vào đầu năm 1865. Chính ông này là người đã chuẩn bị cho việc đánh chiếm thành Vĩnh Long năm 1867 và chiếm toàn bộ Nam Kỳ Lục Tỉnh.

³⁵ *Đại Nam thực lục, Sđd*, 850-51.

³⁶ Georges Taboulet (1956), *La geste française en Indochine: Histoire par les textes de la France en Indochine des origines à 1914*, Tome II (Paris: Adrien-maisonneuve), 491-95. Dẫn theo: Yoshiharu Tsuboi, *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa, 1847-1885*, (Hà Nội: Tri Thức & Nhã Nam), 246-47.

³⁷ *Đại Nam thực lục, Sđd*, 991.

Tài liệu tham khảo

Cao Việt Anh [dịch] (2019). *Như Tây ký*. Hà Nội: Đại học Sư phạm.

Nguyen Dinh Hoe, Ngo Dinh Diem (1919, 1921). "L'ambassade de Phan Thanh Gian, 1863-1864". *BAVH*.

Quang Uyển [dịch] (1999). *Nhật ký đi Tây*. Đà Nẵng: Đà Nẵng.

Quốc sử quán triều Nguyễn (1993). *Đại Nam liệt truyện*, bản dịch của Viện Sử học, tập IV. Huế: Thuận Hóa.

Quốc sử quán triều Nguyễn (2006). *Đại Nam thực lục*, bản dịch của Viện Sử học, tập 7. Hà Nội: Giáo dục.

Trịnh Vân Thanh (1966). *Thành ngữ điển tích danh nhân từ điển*, tập 2. Sài Gòn: Hồn thiêng.

Trương Bá Cẩn (1967). "Phan Thanh Giản đi sứ ở Paris (13.9 đến 10.11.1863). *Tập san Sử Địa: Đặc khảo về Phan Thanh Giản (1796-1867)*, số 7-8.

Yoshiharu Tsuboi (2011). *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa, 1847-1885*. Hà Nội: Tri Thức & Nhã Nam.